



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN NGUYÊN VỌNG BỔ SUNG ĐỢT 1, CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY 2015
XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ KỲ THI THPT QUỐC GIA 2015

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
1	214	HUI011458	NGUYỄN THANH PHA	13/09/1996	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	14.5	0.5	15	C510201
2	215	DCT006097	NGUYỄN NGỌC HOÀNG LONG	08/03/1996	Nam	Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C510205
3	217	DCT012686	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	10/07/1997	Nam	Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh		2	15.5	0.5	16	C510201
4	218	DTT007054	NGUYỄN THANH LONG	29/12/1996	Nam	Huyện Hàm Tân, Bình Thuận		2	12	0.5	12.5	C510206
5	220	TAG009677	LÊ HỮU NGHĨA	27/10/1997	Nam	Huyện Châu Phú, An Giang		2NT	16.75	1	17.75	C510201
6	221	SPS025822	ĐÀO LÝ QUANG VINH	28/09/1997	Nam	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh		3	17.5	0	17.5	C480201
7	222	QGS002970	HỒ NGUYỄN ĐẮC DUY	17/10/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.75	0	13.75	C510205
8	223	NLS014650	NGUYỄN ĐÌNH VĂN	06/03/1997	Nam	Huyện Kông Chro, Gia Lai		1	11.25	1.5	12.75	C510301
9	224	TDV010352	CAO VĂN HIẾU	17/09/1997	Nam	Huyện Diên Châu, Nghệ An		1	15.75	1.5	17.25	C510301
10	225	TTN021437	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	07/07/1997	Nam	Huyện Ea H Leo, Đắk Lắk		1	15.75	1.5	17.25	C510205
11	226	DTT000879	HOÀNG VĂN CẢ	07/03/1997	Nam	Huyện Tánh Linh, Bình Thuận		1	12.5	1.5	14	C510205
12	227	SPS006765	HUỖNH NGUYỄN HỮU HOÀI	02/08/1997	Nam	Huyện Châu Đức, Bà Rịa		1	11.5	1.5	13	C510205
13	228	HUI004539	ĐỖ VĂN HẬU	14/02/1997	Nam	Huyện Bù Đăng, Bình Phước		1	12.75	1.5	14.25	C510201
14	229	HUI001794	PHẠM VĂN CƯỜNG	13/01/1996	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	15	0.5	15.5	C510201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
15	230	QGS022139	PHAN ĐĂNG TÙNG	15/11/1997	Nam	Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai		2	15.75	0.5	16.25	C510201
16	231	YDS000830	NGUYỄN VIỆT BÁCH	19/10/1997	Nam	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		3	16	0	16	C510205
17	232	QGS006602	NGUYỄN THÁI HỌC	23/05/1997	Nam	Huyện Định Quán, Đồng Nai		1	13.75	1.5	15.25	C510301
18	233	YDS012263	CÙ HUY TÀI	22/03/1997	Nam	Thị xã Bến Cát, Bình Dương		2NT	11.75	1	12.75	C510201
19	234	DQN012074	NGUYỄN THÀNH LUÂN	06/05/1997	Nam	Huyện Phù Cát, Bình Định		2NT	12	1	13	C510301
20	235	DQN026830	ĐẶNG THANH TÙNG	20/03/1997	Nam	Huyện Phù Cát, Bình Định		2NT	15	1	16	C510205
21	236	NLS001227	NGUYỄN CAO CƯỜNG	03/10/1997	Nam	Thành phố Pleiku, Gia Lai		1	14.5	1.5	16	C510301
22	237	HUI001929	VĂN TUẤN CƯỜNG	13/01/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	18.75	0	18.75	C510301
23	238	SGD011342	ĐỒNG MINH QUÂN	25/10/1997	Nam	Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh		3	18	0	18	C510201
24	239	DQN005200	DUỖNG NGỌC HẢI	16/09/1997	Nam	Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi		2NT	14.75	1	15.75	C510201
25	240	TTG022041	LÊ HOÀNG VIỆT	06/11/1997	Nam	Huyện Cái bè, Tiền Giang		2NT	16.75	1	17.75	C510301
26	241	TTG003218	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	23/05/1997	Nam	Huyện Cái bè, Tiền Giang		2NT	16	1	17	C510301
27	242	QGS005970	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG HIẾU	01/09/1996	Nam	Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh		3	21.5	0	21.5	C480201
28	243	YDS004158	TRẦN TRUNG HẬU	20/12/1997	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	12.5	1	13.5	C480201
29	244	SGD006188	NGUYỄN HỮU KỲ	20/03/1997	Nam	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.5	0	14.5	C510205
30	245	TDV026156	LÊ HỒNG SƠN	11/06/1997	Nam	Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh		2NT	16.25	1	17.25	C510301
31	246	DTT012327	ÂU NGỌC THANH	06/01/1997	Nữ	Huyện Cần Giuộc, Long An		2NT	13.25	1	14.25	C540204
32	247	SPK002668	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	18/02/1997	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	17.5	0	17.5	C480201
33	248	SPK006992	NGUYỄN HỮU LUẬT	11/09/1997	Nam	Huyện Long Thành, Đồng Nai		1	13	1.5	14.5	C510205
34	249	SPS010806	VÕ HOÀNG LONG	16/09/1995	Nam	Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.25	0	13.25	C510205

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
35	250	SPK007647	HOÀNG DUY NAM	12/12/1997	Nam	Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh		3	19	0	19	C510205
36	251	DTT001160	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	06/12/1996	Nam	Huyện Hàm Tân, Bình Thuận		1	13.75	1.5	15.25	C480201
37	252	HUI007455	LÝ HUỠNH TRUNG LỄ	11/10/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	17.5	0.5	18	C510301
38	253	TTN007136	NGUYỄN ĐÌNH HỢP	12/10/1996	Nam	Thị Xã Buôn Hồ, Đắk Lắk		1	17	1.5	18.5	C510301
39	254	DQN009350	TRẦN VĂN HY	28/11/1997	Nam	Huyện Hoài Ân, Bình Định		1	13	1.5	14.5	C510301
40	255	TDL000891	PHẠM THỊ BÉ	09/09/1995	Nữ	Huyện Thuận Nam, Ninh Thuận		1	18	1.5	19.5	C540204
41	256	DTT012050	NGUYỄN DUY HOÀI TÂM	21/03/1996	Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận		2	12.75	0.5	13.25	C510201
42	257	DQN008130	HUỠNH VĂN HÙNG	12/01/1997	Nam	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		2NT	13.75	1	14.75	C510201
43	258	DQN019503	LÊ ĐỨC TÀI	09/02/1997	Nam	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		2NT	14.5	1	15.5	C510301
44	259	TDL002642	PHẠM NGỌC DƯƠNG	23/06/1996	Nam	Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng		1	13.75	1.5	15.25	C510205
45	260	TSN005839	TRÌNH VĂN HÙNG	03/10/1997	Nam	Huyện Đông Hòa, Phú Yên		2NT	13.25	1	14.25	C510205
46	261	DCT011486	NGUYỄN QUỐC THẮNG	03/10/1997	Nam	Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh		2	14.5	0.5	15	C480201
47	262	DHU001134	LÊ PHÚ BÁ	08/02/1997	Nam	Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên		1	17.25	1.5	18.75	C480201
48	263	YDS002217	NGÔ HOÀNG DUY	22/01/1997	Nam	Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh		3	12.25	0	12.25	C510205
49	264	DCT005286	PHẠM TUẤN KIẾT	25/11/1997	Nam	Huyện Châu Thành, Tây Ninh		2NT	15.5	1	16.5	C510201
50	265	TDL010320	PHAN THỊ THÙY NHUNG	18/05/1996	Nữ	Huyện Di Linh, Lâm Đồng		1	11	1.5	12.5	C540204
51	266	TDL007821	NGÔ ĐỨC LONG	27/08/1997	Nam	Huyện Đơn Dương, Lâm Đồng		1	13	1.5	14.5	C510205
52	267	DQN028313	NGUYỄN TẤN VIỆT	13/05/1997	Nam	Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi		1	11	1.5	12.5	C510205
53	268	SGD003023	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	16/01/1997	Nam	Huyện Châu Thành, Long An		2NT	12.25	1	13.25	C480201
54	269	SPS024440	LÊ ANH TUẤN	15/11/1997	Nam	Huyện Châu Đức, Bà Rịa		1	10.5	1.5	12	C510301

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
55	270	SPD009559	NGUYỄN TUẤN THANH	01/08/1997	Nam	Huyện Tân Hồng, Đồng Tháp		1	14.5	1.5	16	C510206
56	271	NLS014997	VÕ NGỌC VINH	02/05/1997	Nam	Thành phố Pleiku, Gia Lai		1	13.5	1.5	15	C510201
57	272	DQN011348	NGUYỄN THỊ THU LINH	29/09/1997	Nữ	Huyện Phù Cát, Bình Định		2NT	13.75	1	14.75	C540204
58	273	DQN004997	NGUYỄN THỊ HÀ	16/10/1997	Nữ	Huyện Phù Cát, Bình Định		2NT	15.25	1	16.25	C540204
59	274	TSN015469	NGUYỄN NGỌC THỊNH	28/03/1997	Nam	Thị Xã Sông Cầu, Phú Yên		2	12.75	0.5	13.25	C510201
60	275	DTT003870	VÕ MINH HẬU	27/06/1996	Nam	Thị xã La Gi, Bình Thuận		2	13.75	0.5	14.25	C510301
61	276	DTT016101	VÕ CƯỜNG TRỰC	03/07/1997	Nam	Thị xã La Gi, Bình Thuận		2	14.25	0.5	14.75	C510201
62	277	DQN025214	ĐẶNG HỮU TRÍ	07/07/1997	Nam	Thị xã An Nhơn, Bình Định		2	15.25	0.5	15.75	C510201
63	278	TDL016582	HỒ XUÂN TRỰC	21/06/1997	Nam	Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận		1	13.75	1.5	15.25	C510301
64	279	DTT004121	BẠCH TRỌNG HIẾU	31/10/1997	Nam	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận		2NT	15	1	16	C510301
65	280	DTT005012	NGUYỄN PHẠM XUÂN HUY	24/05/1997	Nam	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận		2NT	13.25	1	14.25	C510301
66	281	HUI013503	NGUYỄN THẾ TÀI	20/08/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	13.75	0.5	14.25	C510201
67	282	DQN016414	ĐỖ THỊ KIM OANH	10/11/1997	Nữ	Huyện Phù Mỹ, Bình Định		2NT	14.5	1	15.5	C540204
68	283	SPK006831	ĐỖ TRỌNG LỘC	21/10/1997	Nam	Thị xã Long Khánh, Đồng Nai		2	18.25	0.5	18.75	C510301
69	284	DTT002238	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	25/01/1997	Nam	Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận		1	12.25	1.5	13.75	C480201
70	285	TTG008545	TRƯỜNG TẤN LỢI	23/09/1997	Nam	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang		2NT	14	1	15	C510301
71	286	HUI004567	NGUYỄN HỮU HẬU	03/05/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	15.75	0.5	16.25	C510205
72	287	SGD009217	NGUYỄN NGỌC NHÂN	29/01/1997	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	15.5	0	15.5	C510201
73	288	TTN021090	TRẦN VĂN TRINH	06/04/1997	Nam	Huyện Đắk Song, Đắk Nông		1	12.5	1.5	14	C510205
74	289	YDS000756	DƯƠNG HỒNG ÂN	16/08/1996	Nam	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	18	0	18	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
75	290	DHU018874	HỒ THÁI QUYỀN	15/08/1997	Nam	Huyện Triệu Phong, Quảng Trị		2	16.25	0.5	16.75	C480201
76	291	QGS022342	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	15/01/1997	Nữ	Huyện Thống Nhất, Đồng Nai		1	12.75	1.5	14.25	C540204
77	292	QGS020247	PHẠM THÙY TRANG	07/03/1997	Nữ	Huyện Thống Nhất, Đồng Nai		1	15.5	1.5	17	C540204
78	293	TTG009493	HUỖNH HOÀI NAM	04/11/1996	Nam	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang		2NT	14.5	1	15.5	C510201
79	294	DTT012541	NGÔ TẤN THÀNH	08/12/1996	Nam	Huyện đảo Phú Quý, Bình Thuận		1	10.75	1.5	12.25	C510201
80	295	SGD010288	PHẠM TẤN PHÁT	16/08/1997	Nam	Huyện Đức Huệ, Long An		2NT	14	1	15	C510201
81	296	DQN025232	LÊ ĐÌNH TRÍ	26/03/1997	Nam	Huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi		2NT	14.75	1	15.75	C510301
82	297	HUI009863	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	12/11/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	17.5	0.5	18	C480201
83	298	QGS018747	VÕ THỊ THU THỦY	06/03/1997	Nữ	Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.25	0	14.25	C540204
84	299	TAG009115	PHAN NHẬT NAM	06/01/1997	Nam	Thị xã Tân Châu, An Giang		2NT	17.5	1	18.5	C510201
85	300	DTT005494	TRẦN NGỌC XUÂN HƯƠNG	18/10/1997	Nữ	Huyện Tân Linh, Bình Thuận		1	13	1.5	14.5	C540204
86	301	TTG002240	HÀ THANH DUY	17/12/1997	Nam	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang		2NT	19.5	1	20.5	C510301
87	302	TSN001263	LÊ XUÂN CHÍNH	22/01/1997	Nam	Huyện Đông Hòa, Phú Yên		2NT	13.75	1	14.75	C510301
88	305	DCT010160	BÙI VĂN SANG	31/10/1996	Nam	Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3	17.75	0	17.75	C480201
89	306	DQN000131	NGUYỄN VŨ AN	15/06/1997	Nam	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		1	13.25	1.5	14.75	C510206
90	307	HUI013734	TRẦN THÀNH TÂM	16/07/1995	Nam	Huyện Ba Tri, Bến Tre		3	12.5	0	12.5	C510301
91	308	TAG011635	NGUYỄN MINH NHỰT	30/01/1997	Nam	Huyện Chợ Mới, An Giang		2NT	16.25	1	17.25	C510205
92	309	SPS012096	TRẦN THỊ DIỄM MY	23/10/1997	Nữ	Huyện Bến Lức, Long An		2NT	13.5	1	14.5	C480201
93	310	SPK003708	PHẠM VĂN HẬU	03/05/1997	Nam	Thị xã Long Khánh, Đồng Nai		1	15	1.5	16.5	C510205
94	311	SGD013573	NGUYỄN HẢI THIỆN	05/12/1996	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	16	0	16	C510206

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
95	312	SPK007636	ĐẶNG NHẬT NAM	21/10/1997	Nam	Huyện Long Thành, Đồng Nai		1	16	1.5	17.5	C510301
96	313	SPS018942	ĐỖ VĂN THANH	16/09/1997	Nam	Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa		2	15	0.5	15.5	C510201
97	314	SPS012359	PHẠM TRẦN HẢI NAM	07/10/1997	Nam	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.25	0	16.25	C480201
98	315	QGS008643	PHẠM TRUNG KIÊN	10/10/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	16	0	16	C510201
99	316	HUI018389	TRẦN QUỐC TUẤN	22/09/1996	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	13	0.5	13.5	C510301
100	317	SGD000434	PHẠM VŨ VIỆT ANH	01/01/1997	Nam	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng		3	12.25	0	12.25	C510201
101	318	TDL011748	NGUYỄN MINH QUỐC	18/10/1997	Nam	Huyện Cát Tiên, Lâm Đồng		1	14	1.5	15.5	C510301
102	319	QGS005064	LÊ TRUNG HÀO	27/04/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	16	0	16	C510201
103	320	HUI005496	LÊ THỊ ÁNH HỒNG	22/06/1996	Nữ	Thị Xã Hoàng Mai, Nghệ An		2NT	17	1	18	C540204
104	321	SPS003804	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	01/10/1997	Nam	Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai		1	13.5	1.5	15	C510201
105	322	QGS000561	NGUYỄN HOÀNG ANH	26/07/1997	Nam	Huyện Tân Phú, Đồng Nai		2NT	12.25	1	13.25	C510205
106	323	QGS002808	HOÀNG TÍN DŨNG	17/12/1997	Nam	Huyện Tân Phú, Đồng Nai		1	13.5	1.5	15	C510201
107	324	SPD003275	THÁI THIỆN HÒA	01/11/1997	Nam	Huyện Lai Vung, Đồng Tháp		2NT	12.75	1	13.75	C510301
108	325	SPK006136	NGUYỄN VIỆT TÙNG LÂM	11/07/1996	Nam	Huyện Mỹ Đức, Hà Nội		3	14.25	0	14.25	C510205
109	326	HUI007653	HOÀNG KHÁNH LINH	12/07/1996	Nữ	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	14	0.5	14.5	C540204
110	327	QGS011171	ĐẶNG HOÀNG NAM	07/10/1997	Nam	Quận Đống Đa, Hà Nội		3	17.75	0	17.75	C510301
111	328	DTT009094	NGUYỄN THÀNH NHÂN	15/08/1997	Nam	Huyện Thạnh Hoá, Long An		2NT	14.75	1	15.75	C510301
112	329	DCT005245	DƯƠNG QUỐC KIẾT	01/05/1997	Nam	Huyện Gò Dầu, Tây Ninh		2NT	16.5	1	17.5	C510201
113	330	SGD015639	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂN	29/11/1996	Nữ	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.5	0	13.5	C480201
114	331	SPK001528	TRẦN ĐĂNG CƯỜNG	04/10/1997	Nam	Huyện Cẩm Mỹ, Đồng Nai		1	13	1.5	14.5	C510205

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
115	332	TDL016590	MAI VĂN TRƯỞNG	20/02/1997	Nam	Huyện Ninh Hải, Ninh Thuận		1	11.75	1.5	13.25	C480201
116	333	TAG014261	TRẦN QUỐC THÁI	26/03/1997	Nam	Thị xã Tân Châu, An Giang		2NT	15.25	1	16.25	C510301
117	334	DCT014620	NGUYỄN TRUNG TUYẾN	18/11/1997	Nam	Huyện Châu Thành, Tây Ninh		2NT	15	1	16	C510205
118	335	DQN015668	PHAN THỜI NHIỆM	12/06/1997	Nam	Thành phố Quy Nhơn, Bình Định		2	15.25	0.5	15.75	C510205
119	336	DTT006691	NGUYỄN DUY LINH	10/02/1997	Nam	Huyện Bắc Bình, Bình Thuận		1	12.75	1.5	14.25	C510206
120	337	TTN010450	NGÔ VĂN LỘC	23/04/1997	Nam	Huyện Lắc, Đắk Lắk		1	13.5	1.5	15	C510205
121	338	DQN022040	PHẠM ĐÌNH THÔNG	06/07/1997	Nam	Huyện Tây Sơn, Bình Định		1	11.75	1.5	13.25	C510201
122	339	DQN020756	NGUYỄN THỊ THU THẢO	26/09/1997	Nữ	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		1	17.5	1.5	19	C540204
123	340	DND028562	NGUYỄN CẨM UYÊN	17/09/1997	Nữ	Huyện Núi Thành, Quảng Nam		1	14.25	1.5	15.75	C540204
124	341	TDL005469	NGUYỄN LƯƠNG PHI HÙNG	10/11/1997	Nam	Huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng		1	15.25	1.5	16.75	C510206
125	342	DND004490	NGUYỄN HỒNG ĐỊNH	14/01/1997	Nam	Huyện Núi Thành, Quảng Nam		2NT	16.5	1	17.5	C480201
126	343	DND007095	NGUYỄN HỒNG HIỆP	14/01/1997	Nam	Huyện Núi Thành, Quảng Nam		2NT	16.5	1	17.5	C510205
127	344	SPS003211	ĐẶNG BẢO DUY	20/01/1997	Nam	Huyện Đức Hoà, Long An		2NT	13.75	1	14.75	C510301
128	345	QGS018152	NGUYỄN LÊ PHÚC THỊNH	14/10/1997	Nam	Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai		2	11.5	0.5	12	C510301
129	346	TDL005615	LÝ HOÀNG HUY	03/12/1997	Nam	Huyện Cát Tiên, Lâm Đồng	01	1	13.75	3.5	17.25	C510301
130	347	DQN023828	LÂM VĂN TIẾNG	09/09/1997	Nam	Huyện Đức phở, Quảng Ngãi		2NT	12.5	1	13.5	C510206
131	348	SGD002616	PHAN THÀNH ĐẠT	30/08/1997	Nam	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa		2NT	12	1	13	C510301
132	349	TAG001218	HUỲNH THÁI CHÂU	08/11/1997	Nam	Thành phố Châu Đốc, An Giang		2	14.75	0.5	15.25	C510206
133	350	DHU022123	NGUYỄN LÊ PHÚ THỊNH	24/12/1997	Nam	Thị xã Quảng Trị, Quảng Trị		2	20.75	0.5	21.25	C480201
134	351	TTG012404	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	15/04/1997	Nữ	Huyện Mô Cày Bắc, Bến Tre		2NT	13.75	1	14.75	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
135	352	SGD001592	ĐOÀN THỊ NGỌC DIỄM	17/10/1997	Nữ	Huyện Châu Thành, Long An		2NT	15.25	1	16.25	C540204
136	353	HUI017590	ĐỖ THỊ THANH TRÚC	23/06/1997	Nữ	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	19.25	0.5	19.75	C540204
137	354	SGD013420	TRỊNH THANH THẮNG	13/04/1997	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C480201
138	355	DQN023884	ĐỖ DUY TÍN	26/06/1997	Nam	Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi		2NT	14	1	15	C510301
139	356	SPS006932	NGUYỄN QUỐC HUY HOÀNG	02/01/1997	Nam	Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.75	0	16.75	C510205
140	357	NLS003496	DƯƠNG NGỌC HÂN	19/04/1997	Nam	Thành phố Pleiku, Gia Lai		1	11.5	1.5	13	C510201
141	358	NLS001740	NGUYỄN QUỐC DŨNG	17/10/1997	Nam	Huyện Đak Đoa, Gia Lai		1	10.75	1.5	12.25	C510301
142	360	TTG001737	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	25/12/1997	Nam	Huyện Châu thành, Tiền Giang		2NT	12.75	1	13.75	C510301
143	361	QGS001431	NGUYỄN TẤN BẢO	29/06/1996	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	14	0	14	C510201
144	362	DTT001895	NGUYỄN HOÀNG DUY	04/07/1997	Nam	Huyện Thạnh Hoá, Long An		2NT	13.5	1	14.5	C510205
145	363	SPS009965	ĐINH MỸ LINH	25/02/1996	Nữ	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.25	0	16.25	C540204
146	364	TTG004733	HỒ VĂN HẬU	26/12/1997	Nam	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang		1	14.75	1.5	16.25	C510201
147	365	DTT007149	TRẦN VĂN LỘC	01/02/1997	Nam	Huyện Tánh Linh, Bình Thuận		1	13.5	1.5	15	C510301
148	366	TDL004856	NGUYỄN THỊ HÒA	09/06/1997	Nữ	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng		1	16	1.5	17.5	C480201
149	367	TDL004965	NGUYỄN THẾ HOÀNG	09/10/1997	Nam	Huyện Di Linh, Lâm Đồng		1	12.5	1.5	14	C510201
150	368	DTT013629	LÊ TRẦN THUẬN	29/08/1997	Nam	Huyện Thạnh Hoá, Long An		2NT	15.75	1	16.75	C480201
151	369	HUI005321	HUỲNH MINH HOÀNG	11/12/1996	Nam	Thị xã Bình Long, Bình Phước		3	14.75	0	14.75	C480201
152	370	DCT004865	VỒ HOÀNG KHAN	15/07/1996	Nam	Huyện Tân Châu, Tây Ninh		1	11.75	1.5	13.25	C510206
153	372	TCT004700	NGUYỄN NGỌC HẢI	22/08/1997	Nam	Huyện Trà Ôn, Vĩnh Long		2NT	12.25	1	13.25	C480201
154	373	QGS021500	NGUYỄN LAM TRƯỜNG	03/10/1997	Nam	Huyện Trảng Bom, Đồng Nai		2NT	18.25	1	19.25	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
155	374	HUI000360	NGÔ HOÀNG ANH	26/12/1997	Nam	Huyện Tiên Phước, Quảng Nam		3	13.75	0	13.75	C510206
156	375	TTG007642	VÕ VĂN LÂM	04/11/1996	Nam	Huyện Cai Lậy, Tiền Giang		2NT	11	1	12	C510301
157	376	DHU001420	NGUYỄN KHÁNH BIN	11/05/1997	Nam	Huyện Hải Lăng, Quảng Trị		2NT	12.75	1	13.75	C510201
158	377	HUI000869	NGUYỄN ĐỖ HỒNG ÂN	20/07/1996	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	11.75	0.5	12.25	C510201
159	378	HUI017287	VÕ THÀNH TRÍ	11/12/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	12.5	0.5	13	C510201
160	379	TTG001438	PHẠM KIM CHI	15/04/1997	Nữ	Huyện Gò Công Tây, Tiền Giang		2	16.5	0.5	17	C480201
161	380	DQN015065	NGUYỄN VĂN NHÂN	17/07/1997	Nam	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		2NT	14	1	15	C510301
162	381	TDL013466	TRẦN LÊ KIM THẢO	28/05/1997	Nữ	Huyện Ninh Hải, Ninh Thuận		1	15	1.5	16.5	C480201
163	382	TTN017911	ĐOÀN TRỌNG THẮNG	27/11/1996	Nam	Huyện Ea Kar, Đắk Lắk		1	11	1.5	12.5	C480201
164	383	DTT002661	NGUYỄN QUANG ĐỊNH	23/06/1997	Nam	Huyện Tân Linh, Bình Thuận		1	13.75	1.5	15.25	C510201
165	384	SPK005509	TRẦN DUY KHẢI	03/05/1997	Nam	Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai		1	15.5	1.5	17	C510205
166	385	SGD009235	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	26/03/1997	Nam	Huyện Đất Đỏ, Bà Rịa		2NT	15.75	1	16.75	C510201
167	386	QGS008983	NGUYỄN ĐÌNH LÂM	10/01/1997	Nam	Huyện Định Quán, Đồng Nai		1	15.25	1.5	16.75	C510301
168	387	DHU000160	BÙI HỮU ANH	20/03/1997	Nam	Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên		2NT	19	1	20	C510205
169	388	HUI012476	LÂM TRẦN DUY QUANG	07/04/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	12.75	0.5	13.25	C480201
170	389	HUI001737	NGUYỄN THÀNH CÔNG	08/02/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	13.5	0.5	14	C510201
171	390	SPK002488	LƯƠNG HOÀNG ĐẠT	06/09/1997	Nam	Huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi		3	15	0	15	C510201
172	391	DTT004633	PHẠM ĐỨC HOÀNG	29/12/1997	Nam	Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.75	0	13.75	C510205
173	392	SPS010880	NGUYỄN ĐỨC LỘC	03/10/1997	Nam	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh		3	12	0	12	C510201
174	393	NLS009340	NGUYỄN QUANG PHỤNG	26/10/1997	Nam	Thành phố Kon Tum, Kon Tum		1	12.25	1.5	13.75	C510301

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
175	395	HUI012849	NGUYỄN THẾ QUYỀN	26/05/1997	Nam	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước		1	14.5	1.5	16	C480201
176	396	SGD004033	TRẦN HOÀNG HIỆP	31/10/1997	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	15	0	15	C480201
177	397	TTG001777	TRƯỜNG THÁI CƯỜNG	11/10/1997	Nam	Thị xã Gò Công, Tiền Giang		2	17.25	0.5	17.75	C510201
178	398	HHA003116	ĐINH NGỌC ĐIỆP	17/08/1997	Nam	Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh		1	16.5	1.5	18	C510201
179	399	HUI017251	NGUYỄN MẠNH TRÍ	04/11/1997	Nam	Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.5	0	16.5	C510205
180	401	NLS002022	ĐINH XUÂN DUYỄN	10/10/1997	Nam	Huyện Đak Đoa, Gia Lai		1	13.75	1.5	15.25	C510301
181	402	DTT014778	NGUYỄN TRỌNG TOÁN	25/06/1997	Nam	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận		2NT	15	1	16	C510205
182	403	DQN002019	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26/06/1997	Nam	Huyện Phù Mỹ, Bình Định		2NT	11.5	1	12.5	C510301
183	404	SPK003995	ĐỖ TRÀNG HIẾU	17/12/1997	Nam	Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai		1	13.5	1.5	15	C510206
184	405	DVT003223	PHAN MINH KHÁNH	16/01/1997	Nam	Huyện Mang Thít, Vĩnh Long		2NT	14.5	1	15.5	C480201
185	406	DQN025612	NGUYỄN THỊ MỸ TRINH	10/10/1996	Nữ	Huyện Đức phổ, Quảng Ngãi		2NT	11	1	12	C540204
186	407	TSN003106	LƯU CÔNG ĐOAN	20/08/1997	Nam	Huyện Phú Hòa, Phú Yên		2	13.25	0.5	13.75	C510301
187	408	DTT011574	TRẦN QUANG SANG	22/08/1997	Nam	Thị xã La Gi, Bình Thuận		2	14.5	0.5	15	C510301
188	409	TTN012912	TRẦN ĐĂNG NGUYỄN	20/02/1997	Nam	Huyện Ea Kar, Đắk Lắk		1	18.5	1.5	20	C510205
189	410	TDL018342	BÙI VỸ VỸ	24/08/1997	Nam	Huyện Đơn Dương, Lâm Đồng		1	11	1.5	12.5	C510205
190	411	YDS007362	LÊ VŨ ĐẠI LONG	02/07/1997	Nam	Thị xã Thuận An, Bình Dương		2NT	11.25	1	12.25	C480201
191	412	TDL006541	VŨ ĐĂNG KHOA	28/01/1997	Nam	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng		1	17	1.5	18.5	C480201
192	8201	DCT015185	PHAN VĂN VŨ	07/04/1997	Nam	Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh		2	15	0.5	15.5	C510201
193	8202	DCT013917	ĐÀO NGỌC THANH TRUNG	14/03/1997	Nam	Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh		2	14	0.5	14.5	C510201
194	8203	SPK005949	LÊ THỊ DIỄM KIỀU	22/11/1997	Nữ	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	20.25	0	20.25	C540204

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
195	8204	SGD003820	PHÙNG HUY HẬU	07/03/1995	Nam	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.25	0	13.25	C510201
196	8205	HUI006646	HÀ ĐỨC KHANG	27/03/1996	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.25	0	14.25	C480201
197	8206	SPS015450	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	01/07/1997	Nam	Huyện Đức Hoà, Long An		2NT	13.25	1	14.25	C480201
198	8207	TDL016090	PHẠM ĐỨC TRÍ	11/06/1997	Nam	Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng		1	16.25	1.5	17.75	C510301
199	8208	HUI001208	NGUYỄN DUY BÌNH	24/04/1997	Nam	Thị xã Bình Long, Bình Phước		1	14.5	1.5	16	C510201
200	8209	TTG014727	NGUYỄN THANH SANG	08/04/1997	Nam	Huyện Cái bè, Tiền Giang		2NT	13	1	14	C510301
201	8210	SPS011629	BÙI QUANG MINH	12/08/1997	Nam	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	15.5	0	15.5	C510301
202	8211	DCT007710	TRẦN NGÂN HỒNG NGỌC	02/12/1997	Nữ	Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh		2	16.25	0.5	16.75	C540204
203	8212	DND027960	LÊ THANH TÙNG	22/10/1997	Nam	Huyện Đại Lộc, Quảng Nam		2NT	13.5	1	14.5	C510301
204	8213	SGD001425	HUỲNH THANH CƯỜNG	05/08/1996	Nam	Huyện Đức phở, Quảng Ngãi		3	13.75	0	13.75	C480201
205	8214	SPK004431	NGUYỄN HỮU HOÀNG	29/03/1997	Nam	Huyện Thái Thụy, Thái Bình		3	16.25	0	16.25	C510201
206	8215	TTG002629	LÊ THỊ THÙY DUYÊN	06/10/1997	Nữ	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang		2NT	18	1	19	C540204
207	8216	HUI008210	NGUYỄN VĂN LONG	15/04/1996	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	15.75	0.5	16.25	C510301
208	8217	TTN022011	PHẠM THANH TÙNG	02/12/1997	Nam	Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk		1	14.75	1.5	16.25	C510201
209	8218	QGS022007	PHẠM QUỐC TUẤN	12/09/1997	Nam	Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C480201
210	8219	QGS006021	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/05/1997	Nam	Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh		3	15.5	0	15.5	C480201
211	8220	QGS014526	MAI HỒNG PHƯỚC	22/10/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	12.75	0	12.75	C510301
212	8221	SGD016785	LÊ VĂN TÙNG	20/03/1997	Nam	Huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi		3	15.25	0	15.25	C480201
213	8222	DTT014258	TẤT MINH THƯƠNG	24/04/1997	Nam	Huyện Cần Giuộc, Long An		2NT	14	1	15	C480201
214	8223	HUI010227	NGUYỄN CHÍ NGUYỄN	21/10/1997	Nam	Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.25	0	13.25	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
215	8224	SPS016863	PHẠM THANH QUAN	26/04/1997	Nam	Huyện Tân Trụ, Long An		2NT	15.5	1	16.5	C510206
216	8225	HUI001326	LÊ HỮU CẢNH	17/07/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	18.25	0.5	18.75	C510201
217	8226	DQN014245	ĐỖ ĐỨC NGHIỆP	17/03/1997	Nam	Huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi		2NT	13	1	14	C480201
218	8227	SPS001875	ĐOÀN TRUNG CẤP	28/02/1997	Nam	Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa		2	14.25	0.5	14.75	C510201
219	8228	YDS005916	LÌU KIỆT KHẢ	13/07/1997	Nam	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	14.5	1	15.5	C480201
220	8229	DQN020175	NGUYỄN QUANG THANH	03/12/1997	Nam	Huyện Đức phở, Quảng Ngãi		2NT	13.75	1	14.75	C510301
221	8230	SGD007589	ĐỖ NGỌC NHẬT MINH	28/05/1997	Nam	Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C510201
222	8231	HUI018171	ĐẶNG QUỐC TUẤN	11/03/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	15.25	0.5	15.75	C510206
223	8232	QGS019256	NGUYỄN TRÍ THƯỢNG	07/09/1997	Nam	Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh		3	13.75	0	13.75	C480201
224	8233	DTT003810	NGUYỄN PHI HẬU	09/05/1997	Nam	Huyện Cần Đước, Long An		2NT	12	1	13	C510201
225	8234	DTT017499	HUỖNH VŨ	09/05/1996	Nam	Thành phố Phan Thiết, Bình Thuận		2	13.75	0.5	14.25	C510301
226	8235	SPK006936	TIÊU ĐỨC LUÂN	02/02/1997	Nam	Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	14.75	1	15.75	C510201
227	8236	SPK001262	HUỖNH BỬU CHÍ	02/08/1997	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	15.25	0	15.25	C510301
228	8237	HUI015028	ĐỖ TRỌNG THỊNH	13/12/1997	Nam	Huyện Đồng Phú, Bình Phước		1	20.75	1.5	22.25	C510201
229	8238	DTT014545	NGUYỄN NAM TIẾN	04/07/1997	Nam	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận		2NT	13.75	1	14.75	C510301
230	8239	DTT002808	PHAN ĐÌNH ĐỨC	19/03/1996	Nam	Thị xã La Gi, Bình Thuận		2	14	0.5	14.5	C510201
231	8240	DCT004198	NGUYỄN THANH HÙNG	02/12/1997	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	12.25	0	12.25	C510201
232	8241	DCT001841	NGUYỄN NGỌC DUY	29/05/1997	Nam	Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.25	0	14.25	C510201
233	8242	SPK003398	TRƯƠNG THẾ Hào	22/05/1997	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	14	0	14	C510301
234	8243	SGD007584	CHÂU DUỆ MINH	15/03/1997	Nam	Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C510201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
235	8245	SGD010359	NGUYỄN MẬU HOÀNG PHI	09/09/1997	Nam	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa		1	14.75	1.5	16.25	C510301
236	8246	TDL005444	HUỖNH VĂN HÙNG	11/08/1997	Nam	Huyện Đức Trọng, Lâm Đồng		1	17.25	1.5	18.75	C480201
237	8247	HUI019740	THẠCH NGUYỄN VĨNH XUÂN	07/03/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	12.5	0.5	13	C510205
238	8248	SPK003038	ĐOÀN THỊ HOÀNG HÀ	09/10/1997	Nữ	Huyện Tân Thành, Bà Rịa		2NT	12.25	1	13.25	C480201
239	8249	SPS010954	TRẦN PHƯỚC LỘC	13/05/1997	Nam	Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	13.75	1	14.75	C480201
240	8250	YDS013788	NGUYỄN PHƯỚC THỊNH	21/03/1997	Nam	Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3	19	0	19	C480201
241	8251	DCT010069	LÊ VŨ QUỲNH	04/07/1997	Nam	Huyện Châu Thành, Tây Ninh		2	14	0.5	14.5	C480201
242	8252	DQN012297	TRẦN VĂN LƯU	19/01/1997	Nam	Huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi		2NT	14.25	1	15.25	C510301
243	8253	TTG020460	NGUYỄN THANH TRÚC	14/05/1997	Nam	Huyện Gò Công Đông, Tiền Giang		2NT	14.25	1	15.25	C510201
244	8254	SPK007406	PHẠM VĂN MINH	25/10/1997	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.5	0	16.5	C510201
245	8255	QGS015882	NGUYỄN QUỐC SANG	18/11/1997	Nam	Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh		3	18.25	0	18.25	C480201
246	8256	SPS003493	TRƯƠNG TẤN DUY	27/08/1996	Nam	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.25	0	16.25	C480201
247	8257	TDL011623	PHẠM MINH QUANG	14/09/1997	Nam	Huyện Di Linh, Lâm Đồng		1	11.75	1.5	13.25	C510301
248	8258	HUI013106	NGUYỄN NGÔ HOÀNG SANG	22/08/1997	Nam	Thị xã Bình Long, Bình Phước		1	14.25	1.5	15.75	C510301
249	8259	SGD006061	LÊ TUẤN KIẾT	20/07/1997	Nam	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa		1	14.75	1.5	16.25	C510201
250	8260	HUI004190	NGUYỄN ANH HÀO	30/03/1997	Nam	Huyện Lộc Ninh, Bình Phước		1	14	1.5	15.5	C510301
251	8261	SGD015560	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	26/08/1997	Nữ	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.75	0	16.75	C480201
252	8262	DQN023998	VÕ TRUNG TÍN	06/06/1997	Nam	Thị xã An Nhơn, Bình Định		2	15.25	0.5	15.75	C510205
253	8263	DTT000054	NGUYỄN CAO THẾ AN	06/11/1996	Nam	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận		2NT	12.25	1	13.25	C510301
254	8264	QGS004757	CHÂU MINH HẢI	22/09/1997	Nam	Huyện Trần Văn Thời, Cà Mau		3	15.5	0	15.5	C480201

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
255	8265	HUI014711	LÊ MINH THẮNG	05/07/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	15.25	0.5	15.75	C510301
256	8266	SPS006933	NGUYỄN THẾ HOÀNG	01/01/1997	Nam	Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa		2	15.5	0.5	16	C510201
257	8267	SGD011775	HUỖNH NHỰT HĂNG RY	17/11/1997	Nam	Huyện Đức Huệ, Long An		2NT	15.25	1	16.25	C510301
258	8268	TDL014033	LÊ VĂN THỌ	03/06/1997	Nam	Huyện Lâm Hà, Lâm Đồng		1	13	1.5	14.5	C480201
259	8269	YDS013080	TÔ QUỐC THÀNH	26/04/1997	Nam	Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	12.5	1	13.5	C480201
260	8270	SGD014969	TẠ CÔNG TÍNH	02/01/1997	Nam	Huyện Hoài Nhơn, Bình Định		3	15	0	15	C510206
261	8271	SPK013719	NGUYỄN CHÍ TOÀN	12/05/1997	Nam	Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh		3	17.5	0	17.5	C480201
262	8272	NLS010094	ĐỖ NHƯ QUỲNH	04/11/1997	Nữ	Huyện Chư Prông, Gia Lai		1	13.75	1.5	15.25	C540204
263	8273	SPS018872	NGUYỄN QUỐC THÁI	16/02/1997	Nam	Huyện Đức Hoà, Long An		2NT	19	1	20	C510301
264	8274	DTT008701	NGUYỄN THANH NGỌC	06/11/1997	Nam	Thị xã La Gi, Bình Thuận		2	12.75	0.5	13.25	C510301
265	8275	SGD007034	VÕ HUỖNH LONG	13/12/1996	Nam	Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh		3	17.25	0	17.25	C510201
266	8276	SPS021915	HOÀNG PHAN THANH TIỀN	10/05/1997	Nam	Huyện Châu Đức, Bà Rịa		1	12.5	1.5	14	C510301
267	8277	HUI014759	NGUYỄN VIỆT THẮNG	14/01/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	15.25	0.5	15.75	C480201
268	8278	YDS000681	VÕ XUÂN ANH	09/09/1997	Nam	Th. phố Thủ Dầu Một, Bình Dương		2	14.75	0.5	15.25	C480201
269	8279	YDS000958	TRẦN GIA BẢO	29/10/1996	Nam	Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	06	3	17.75	1	18.75	C480201
270	8280	YDS015171	NGUYỄN MINH TOÀN	26/01/1997	Nam	Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.75	0	14.75	C480201
271	8281	SPK013249	LÊ THỊ NGUYỄN THƯƠNG	12/10/1997	Nữ	Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai		1	12.5	1.5	14	C540204
272	8282	HUI010958	NGUYỄN CẨM NHUNG	25/01/1997	Nữ	Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh		3	17	0	17	C510201
273	8283	HUI003307	MAI ĐIỀU	02/08/1997	Nam	Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh		2	17.5	0.5	18	C510201
274	8284	HUI015392	TRẦN MINH THUẬN	21/05/1997	Nam	Huyện Lộc Ninh, Bình Phước		1	13.75	1.5	15.25	C510301

STT	Số HS	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	ĐT	KV	Tổng điểm thi	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm xét tuyển sinh	Mã ngành trúng tuyển
275	8285	HUI015381	NGUYỄN VĂN THUẬN	17/11/1997	Nam	Thị xã Phước Long, Bình Phước		1	14.25	1.5	15.75	C510205
276	8286	HUI019380	NGUYỄN VĂN VŨ	12/04/1996	Nam	Thị xã Phước Long, Bình Phước		1	15	1.5	16.5	C510205
277	8287	TDL013032	TRẦN THỊ NGỌC THANH	02/10/1997	Nữ	Huyện Ninh Sơn, Ninh Thuận		1	12.5	1.5	14	C540204
278	8288	HUI006814	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	01/01/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	14.25	0.5	14.75	C510301
279	8289	HUI019319	LÂM PHI VŨ	31/10/1997	Nam	Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh		3	16.25	0	16.25	C480201
280	8290	YDS008619	LÊ THỊ THU NGÂN	27/06/1997	Nữ	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		3	14	0	14	C540204
281	8291	QGS021396	PHẠM BÁ TRUNG	21/08/1997	Nam	Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh		3	14.5	0	14.5	C510201
282	8292	SPD008155	NGUYỄN TOÀN THIÊN PHÚC	22/01/1997	Nam	Thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp		2	14	0.5	14.5	C510301
283	8293	SGD005817	BÙI ĐĂNG KHOA	17/02/1997	Nam	Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh		3	15.25	0	15.25	C480201
284	8294	QGS019641	PHẠM VĂN TIẾN	02/03/1997	Nam	Huyện Định Quán, Đồng Nai		1	13.25	1.5	14.75	C510205
285	8295	DQN011944	VÕ VĂN LỘC	22/10/1997	Nam	Huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi		1	12.5	1.5	14	C510201
286	8296	DTT012562	NGUYỄN PHƯƠNG THÀNH	07/01/1997	Nam	Huyện Đức Linh, Bình Thuận		1	11.75	1.5	13.25	C480201
287	8297	HUI008969	PHẠM ANH MINH	09/10/1997	Nam	Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh		2	12.25	0.5	12.75	C510205

* Tổng cộng danh sách trúng tuyển: **287** thí sinh

PHÒNG TS - ĐÀO TẠO - GTVL

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tấn

**HIỆU TRƯỞNG
KIỂM CHỨ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

(Đã ký)

Phạm Hữu Lộc